

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

HÀNH ĐỘNG HỎI TRỰC TIẾP TÌM THÔNG TIN VÀ NHỮNG HÀNH ĐỘNG ĐÁP TƯƠNG ỨNG TRONG CẬP TƯƠNG TÁC TRAO-ĐÁP (qua lời thoại nhân vật trên tư liệu tiểu thuyết Hồ Anh Thái) NGUYỄN HẢI LONG*

TÓM TẮT: Các hành động hỏi trực tiếp tìm thông tin và những hành động đáp tương ứng trong cặp tương tác trao đáp là một phương diện của ngôn ngữ được sử dụng rất nhiều trong giao tiếp nên cần được khai thác chuyên sâu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mỗi tham thoại trao hay đáp đều có ít nhất một hành động chủ hướng và một hay nhiều hành động phụ thuộc đi kèm. Ý định của nhân vật hội thoại được thể hiện chủ yếu qua hành động chủ hướng. Để đáp lại hành động hỏi trực tiếp tìm thông tin thì người nói có thể sử dụng một trong ba cách: đáp trực tiếp, đáp gián tiếp, hay đáp lệch trọng điểm hỏi của tham thoại trao.

TỪ KHÓA: hành động hỏi trực tiếp tìm thông tin; hành động đáp trực tiếp vào trọng điểm hỏi; hành động đáp gián tiếp vào trọng điểm hỏi; hành động đáp lệch trọng điểm hỏi; hành động chủ hướng; và hành động phụ thuộc.

NHẬN BÀI: 12/5/2020.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 21/6/2020

1. Đặt vấn đề

Năm 1938, Charles William Morris đã cho xuất bản cuốn *Những điểm căn bản về lý thuyết kí hiệu (Foundations of the Theory of Signs)*. Trong đó, ông đã phân biệt rạch ròi ba bình diện diện kết học, dụng học và nghĩa học. Chính việc đưa thêm bình diện Dụng học vào nghiên cứu đã giúp các nhà ngôn ngữ học sau này có cái nhìn đầy đủ hơn về ngôn ngữ. Ở bình diện Dụng học, các nhà nghiên cứu đã đề cập đến một khía cạnh mới của hoạt động giao tiếp ngôn ngữ. Đó chính là hành động ngôn từ (HĐ) [Austin, 1962; Searle, 1969]. Tiếp bước con đường của các nhà nghiên cứu đi trước, các nhà Việt ngữ học đã chia các HĐ ngôn từ thành bốn nhóm: HĐ trần thuật, HĐ hỏi, HĐ cầu kiến và HĐ cảm thán [Diệp Quang Ban, 1992; Đỗ Thị Kim Liên, 1999]. Với HĐ hỏi, các nhà nghiên cứu lại chia chúng thành hai nhóm chính: HĐ hỏi trực tiếp và HĐ hỏi gián tiếp. Theo đó, HĐ hỏi trực tiếp là HĐ ở lời có chức năng trùng khớp với nghĩa tường minh, còn HĐ hỏi gián tiếp là HĐ ở lời có chức năng không trùng khớp với với nghĩa tường minh của phát ngôn [Yule, 1998, tr.54-55 & Matthews, 2014, tr.46]. Đi sâu hơn nữa, các HĐ hỏi trực tiếp này lại được chia thành ba loại như: HĐ hỏi tìm thông tin, HĐ hỏi đùng-sai, và HĐ hỏi chọn lựa [Cao Xuân Hạo, 1998].

Trong bài viết này, đối tượng mà chúng tôi đề cập đến chính là HĐ hỏi trực tiếp tìm thông tin và những HĐ đáp tương ứng trong cặp tương tác trao-đáp qua lời thoại nhân vật trên tư liệu tiểu thuyết Hồ Anh Thái.

2. Khảo sát cụ thể

Trong hoạt động giao tiếp hằng ngày, HĐ hỏi tìm thông tin được người nói (SP1) dùng để yêu cầu người nghe (SP2) cung cấp thông tin nào đó. Khi tiếp nhận HĐ này, tùy thuộc vào ngữ cảnh cũng như mục đích giao tiếp mà SP2 có thể sử dụng một trong ba HĐ sau: (1) HĐ đáp trực tiếp vào trọng điểm hỏi (TĐH), (2) HĐ đáp gián tiếp vào TĐH, và (3) HĐ đáp lệch TĐH. Dựa vào dấu hiệu nhận biết trên, chúng tôi tiến hành thống kê HĐ hỏi tìm thông tin và những HĐ đáp tương ứng trong bảy tiểu thuyết của Hồ Anh Thái và thu được kết quả như sau:

Bảng 1. HĐ hỏi trực tiếp tìm thông tin và những HĐ đáp tương ứng

STT	HĐ hỏi trực tiếp tìm thông tin	Những HĐ đáp tương ứng	SL	Tỉ lệ

* ThS.:CS. Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh;
Email: nguyenhailong555@gmail.com

1.	HĐ hỏi trực tiếp tìm thông tin	a. HĐ đáp trực tiếp vào TĐH	211	77%
2.		b. HĐ đáp lệch TĐH	58	21,2%
3.		c. HĐ đáp gián tiếp vào TĐH	5	1,8%
Tổng cộng			274	100%

Kết quả thống kê từ bảng trên cho thấy cặp thoại có HĐ đáp trực tiếp vào TĐH chiếm số lượng nhiều nhất, kế đến là cặp thoại có HĐ đáp lệch TĐH, và cuối cùng là cặp thoại có HĐ đáp gián tiếp vào TĐH. Sau đây chúng tôi sẽ đi vào miêu tả chi tiết từng nhóm cặp thoại này.

2.1. Hình thức, mục đích sử dụng, và ý nghĩa của HĐ hỏi tìm thông tin

Để đạt được mục đích giao tiếp cũng như để duy trì, chuyển hướng hay kết thúc cuộc thoại thì các nhân vật hội thoại luôn thay đổi hình thức của các tham thoại bởi cho phù hợp với mục đích, ý định của mình. Chính vì thế, các tham thoại hỏi ở nhóm này có thể mang hình thức của một câu tính lược, cũng có khi là một câu đơn, một câu ghép, một câu phức, hay thậm chí là một chuỗi các loại câu đi kèm với nhau. Vì vậy, mỗi tham thoại hỏi đều có ít nhất một HĐ hỏi trực tiếp tìm thông tin đóng vai trò hành động chủ hướng (HĐCH) và một hay nhiều hành động phụ thuộc (HĐPT) đi kèm. Kết quả thống kê cho thấy chúng gồm bốn mô hình liên kết HĐ như sau:

1. HĐCH
2. HĐCH + HĐPT
3. HĐPT + HĐCH
4. HĐPT + HĐCH + HĐPT

Khi SP1 đưa ra một HĐ hỏi tìm thông tin cho SP2 thì đồng thời SP1 thực hiện một lúc ba HĐ: (1) HĐ tạo lời là HĐ kết hợp các quy tắc ngữ pháp và từ vựng để tạo nên tham thoại hỏi tìm thông tin. HĐ này mang lực tạo ngôn. (2) HĐ xuyên lời là HĐ tác động đến tình thái của SP2. HĐ này mang lực xuyên ngôn. (3) HĐ tại lời là HĐ mang chức năng yêu cầu SP2 cung cấp thông tin do TĐH quy định. HĐ này mang lực tại ngôn.

Theo (Searle . 1969, tr. 66-67), để thực hiện một HĐ hỏi tìm thông tin, thì SP1 phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện như: a) Nội dung mệnh đề: Chính là thông tin mà SP1 muốn biết; b) Điều kiện chuẩn bị: SP1 cho rằng SP2 có biết thông tin mà SP1 đang cần; c) Điều kiện căn bản: SP1 thực sự cần biết thông tin đó; d) Điều kiện chân thành: SP1 mong muốn nhận được thông tin đó từ SP2.

Những HĐCH thuộc nhóm này là những HĐ được SP1 kết hợp giữa các đại từ nghi vấn hay vấn từ như: *ai, bao giờ, bao lâu, bao nhiêu, bằng cách nào, chỗ nào, đâu, ở đâu, mấy, (đứa) nào, gì, (cô)... gì, (như) thế nào, làm sao, sao, tại sao...* với các vị từ trung tâm của tham thoại hỏi để tạo nên các HĐ hỏi tìm thông tin như: *ai ở bên ấy?, bao nhiêu tuổi?, cần gì?, có chuyện gì?, để chỗ nào?, để làm gì? đi đâu?, đọc gì? làm ở đâu, mấy tuổi, là ai?, tại sao không đến?, tên gì?...* Những HĐ này được SP1 sử dụng để yêu cầu SP2 cung cấp thông tin về các chủ đề như: *con người, nơi chốn, đồ vật, giá cả, phương tiện, lí do...* Trong khi đó, các HĐPT đi kèm là những HĐ như: HĐ trần thuật (*cảm ơn, chào, chối bỏ, giải thích, giới thiệu, gợi chuyện, hô gọi, kể, khen, nhận xét, thông báo, thưa gửi*). HĐ hỏi (*khẳng định, tìm thông tin*). HĐ cầu khiến (*chửi, dò xét, đặt điều kiện, đe dọa, đề nghị, hô gọi*), hoặc HĐ cảm thán (*bất lực, mỉa mai, ngạc nhiên, trách móc*).

Những HĐPT này được SP1 sử dụng để: dẫn vào HĐCH, nhấn mạnh HĐCH, cung cấp thêm thông tin cho HĐCH, để lời kéo sự chú ý của SP2, kích thích sự tò mò của SP2, dò xét thái độ của SP2, bác bỏ thông tin đã được đề cập trước đó, gợi chuyện, mở rộng vấn đề đang bàn, muốn có thêm thông tin, hoặc để biểu lộ tình thái...

Trong khi khảo sát các tham thoại hỏi này, chúng tôi nhận thấy rằng bên cạnh lời của các nhân vật hội thoại nói ra thì những tham thoại này còn được chêm xen bởi lời miêu tả của nhà văn về những vấn đề như: ngữ cảnh giao tiếp, ngoại hình, nội tâm, hành vi, thái độ, vị thế của các nhân vật hội thoại, cũng như mối quan hệ giữa các nhân vật này với nhau. Vì các HĐ hỏi tìm thông tin thuộc nhóm này là những HĐ hỏi trực tiếp nên ý nghĩa của chúng sẽ là nghĩa tường minh do được nhận diện qua nghĩa của từ và quy tắc kết hợp trên bề mặt phát ngôn.

2.2. Hình thức, mục đích sử dụng, và ý nghĩa của HD đáp tương ứng

Vì cũng bị chi phối bởi ngữ cảnh giao tiếp và cả mục đích giao tiếp nên SP2 cũng thường thay đổi hình thức những tham thoại đáp. Những tham thoại này có thể là một câu tình lược, một câu đơn, một câu ghép, một câu phức, hay một chuỗi câu đi liền kề nhau. Vì thế, mỗi tham thoại đáp này đều chứa ít nhất một HD hỏi tìm thông tin đóng vai trò HDCH và một hay nhiều HDPT đi kèm.

Khi khảo sát các tham thoại hỏi này, chúng tôi nhận thấy rằng bên cạnh lời của các nhân vật hội thoại nói ra thì những tham thoại này còn được chêm xen bởi lời miêu tả của nhà văn về những vấn đề như: ngữ cảnh giao tiếp, ngoại hình, nội tâm, hành vi, thái độ, v.v. thế, mỗi quan hệ giữa các nhân vật hội thoại, hay cung cấp thêm thông tin cho HDCH.

Khi SP2 tiếp nhận HD hỏi trực tiếp tìm thông tin từ SP1, thì SP2 buộc phải đưa ra HD đáp tương ứng. Lúc đó, SP2 cũng thực hiện một lúc ba HD tương tự gồm: (1) HD tạo lời, (2) HD xuyên lời, và (3) HD tại lời (kèm lời hoặc phủ lời). Ngoài ra, tùy thuộc vào mục đích, ý định, ngữ cảnh... mà SP2 sẽ đưa ra HD đáp là một trong ba loại HD ở lời như sau: HD đáp trực tiếp, HD đáp gián tiếp, hay HD đáp lệch TDH.

a. HD đáp trực tiếp vào TDH

Ở nhóm này, các HD đáp được SP2 sử dụng để trả lời trực tiếp vào TDH của tham thoại trao do SP1 đưa ra bằng cách cung cấp thông tin mà SP1 muốn biết. Nếu SP2 không thể cung cấp thông tin thì có thể chối bỏ bằng cách sử dụng HD phủ định. Những HD này là những HDCH được xác định qua vị từ trung tâm. Chúng có thể là HD kèm lời hoặc phủ lời như: *cung cấp thông tin, phủ định, chỉ cho thấy, chia tay cho xem, yêu cầu*. Trong khi đó, các HDPT đi kèm là những HD như: chửi khăng định, đánh đố, dè nghi, hỏi tìm thông tin, kể, khuyên, nhận xét, phủ định, than trách, thông báo, xin lỗi. Chúng được sử dụng với mục đích: dẫn dắt SP1 vào HDCH, chuyển đề tài cuộc thoại sang hướng khác, cung cấp thêm thông tin cho HDCH, mở rộng thông tin, bác bỏ tiền giả định (TGĐ), gây sự chú ý của SP1 vào HDCH, bày tỏ phép lịch sự, hay để làm mất mặt SP1. Ví dụ 1

Thằng nhóc: *Chú cần gì nữa không?*

Bạn cô VIP: *Mua giúp chú hai suất ăn trưa. Cô chủ bị kẹt lại đây, ông chủ mới đi nhận chưa về* (Hồ Anh Thái, 2006, tr. 227).

Sau 16 năm mất liên lạc, cô VIP và người bạn trai trước đây tình cờ tìm được nhau. Vì mang thân phận là vợ ông VIP nên họ không thể hẹn hò gặp mặt công khai, bên mượn tạm căn hộ của một người bạn thời trung học để gặp nhau. Phiên một nổi trước khi ra đi, người bạn khóa cửa ở ngoài để không ai chú ý và hứa đến tối sẽ quay về. Tuy nhiên, sau hai ngày biến mất, người bạn vẫn chưa xuất hiện. Trong khi đó, thức ăn và đồ uống trong tủ lạnh cũng đã cạn, nhưng tin tức của người bạn vẫn biệt tăm. Phá cửa thì sợ bị hàng xóm phát hiện. Chịu đựng thì bị cơn đói dày vò. Chờ đợi thì không biết đến bao giờ. Đến ngày thứ ba thì hai người gặp một thằng nhóc xuất hiện ở ban công căn hộ đối diện. Mừng hơn bất được vàng, người bạn trai lập tức hỏi thằng nhóc thông tin về người chủ căn hộ nhưng thằng nhóc trả lời không biết. Và hình như đoán được ý của người hỏi còn muốn hỏi thêm nhưng vì ngại, thằng nhóc liền đưa ra một tham thoại hỏi để hỏi anh.

Tham thoại mà thằng nhóc đưa ra là một tham thoại tình lược có duy nhất một HD hỏi cũng là HDCH của tham thoại. HD này được nhận diện là HD hỏi trực tiếp tìm thông tin vì có dấu hiệu nhận diện là đại từ nghi vấn "gì" và vẫn từ "không" đứng cuối câu. HD hỏi này mang lực tại ngôn yếu cầu người đàn ông cung cấp thông tin được nhận diện qua nghĩa tường minh "*Chú cần gì nữa không?*".

Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin qua lực tại ngôn của HD hỏi, người đàn ông liền đưa ra tham thoại đáp tương ứng với ba HD như sau: HD dè nghi + HD giải thích + HD giải thích. HD thứ nhất là HD dè nghi "*Mua giúp chú hai suất ăn trưa*". HD này cũng chính là HDCH của tham thoại đáp do nó trực tiếp đáp vào TDH của tham thoại trao. Khi nhận được HD đáp này thì thằng nhóc cảm thấy hài lòng vì nhận được thông tin cần biết đồng thời cũng có cảm giác thỏa mãn vì đoán trúng ý định của người đối diện. HD thứ hai và thứ ba là hai HDPT "*Cô chủ bị kẹt lại đây, ông chủ mới đi nhận chưa về*". Chúng được SP2 dùng để giải thích, cung cấp thêm thông tin cho HDCH phía trước đi do tại sao cô chủ có mặt ở đây và tại sao phải nhờ thằng nhóc đi mua cơm. Cách trả lời ở trên cũng giúp độc giả hiểu

rằng hoàn cảnh của hai người đang ở thế bí. Thêm vào đó là trong lòng đang dỗi và xấu hổ nên lời nói, hành vi, cứ chi phải nhọc nhằn, mèm mông để thuyết phục thẳng thớm giúp đỡ. Nếu không, nó mà la toáng lên thì câu chuyện hai người bí mật gặp nhau ở đó còn tệ hại đến mức nào. Vị thế của hai người so với thẳng thớm ở các trường hợp khác có sự chênh lệch vai vị nhưng trong trường hợp này giọng như ngang hàng hoặc thấp hơn vì đang phải che giấu thân phận, đang nhờ vả, cầu cạnh thẳng thớm.

b. HD đáp lệch TDH

Ở nhóm này, khi thực hiện HD đáp lệch TDH thì SP2 mong muốn thể hiện một hàm ý chủ quan khác, không liên quan đến HD hỏi của SP1. Để nhận ra hàm ý này, SP1 cũng buộc phải có HD suy ý, kết hợp với ngữ cảnh hay sự vi phạm các quy tắc hội thoại để nhận ra hàm ý của SP2. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp SP1 có thể không nhận ra hàm ý của SP2. Kết quả thống kê cho thấy SP2 đã cố tình vi phạm một số quy tắc hội thoại để thực hiện HD đáp gián tiếp như sau:

- Vi phạm phương châm về chất: không cung cấp đúng thông tin cần tìm.
- Vi phạm phương châm về lượng: không cung cấp đầy đủ thông tin cho SP1.
- Vi phạm phương châm về quan hệ: SP2 nói những điều không liên quan đến TDH.
- Vi phạm quy tắc chiều vật-chỉ xuất: SP2 sử dụng quy tắc chiều vật-chỉ xuất không đúng với yêu cầu của SP1.

Ở nhóm này, các HD đáp được SP2 sử dụng để đáp lệch TDH có thể là các HĐCH kém lời và phi lời như sau: *bất bí, cảm ơn, chửi, để nghỉ, hỏi đùng-sai, hỏi tìm thông tin, nhận xét, phủ định, ra lệnh, hay nhìn một cách thương hại, đưa mắt nhìn theo, quay lại nhìn.*

Chúng tôi cũng thống kê được 14 lí do giải thích tại sao SP2 lại sử dụng HD đáp lệch TDH như sau: *vi lời đáp là một điều tế nhị khó nói nên lời, vì quá ngạc nhiên, vì bị bất bí, vì quá vội vàng, vì chưa nắm rõ thông tin, vì muốn đi tắt sang vấn đề khác, vì sợ bị đốn, vì bị kích động, vì khinh miệt, vì quá mệt mỏi, vì muốn kết thúc câu chuyện, để che giấu thân phận, vì muốn bác bỏ tiền giả định, vì muốn mỉa mai SP1. Trong khi đó, các HĐPT gồm: chửi, xua đuổi, để nghỉ, nhận xét, ra lệnh, khuyên, hỏi tìm thông tin, than trách. Những HĐPT này được dùng để: chi trích, chất vấn, chuyển hướng đề tài, mỉa mai, ép buộc, khuyên nhủ, hô gọi, gợi chuyện. Ví dụ 2:*

Ông Quán: Có vừa gặp tờ giấy làm dỗi, ngồi xuống, ông Quán lập tức bày tỏ sự giận dữ bằng cái rướm mình trên mặt bàn: *Ai hướng dẫn cô Luyện làm kiểm điểm mà sơ sai như thế? Cô nói lan man, nhưng mấu chốt vẫn đề lại không làm rõ. Chúng tôi chỉ muốn biết cô chưa với ai, ngăn gọn thế thôi.*

Luyện: *Với ai mà chả được. Luyện lại đứng dậy, không nhìn ai, giọng run lên như muốn khóc. Các người cần biết mà làm gì? Các người làm khổ tôi quá rồi.* (Hồ Anh Thái, 1988, tr.111).

Sau lần "gặp nhau" với Tường lần đầu tiên trên đảo, Luyện trở về đội Năm làm việc cùng với chị em. Vài tháng sau nhiều người phát hiện Luyện có bầu. Không ai có thể đoán được cha của đứa bé là ai vì nơi đội Năm đang làm việc cách rất xa những nơi có dân ông, và mấy tháng nay Luyện cũng chưa xin nghỉ phép. Mọi người cứ xì xầm mãi và cuối cùng thông tin cũng lọt đến tai ông Quán, người quản lí và cũng là bí thư chi bộ của đội Năm. Một cán bộ được đánh giá là gương mẫu, nghiêm khắc nhất khu này. Sau khi loại trừ tất cả những người có khả năng gây ra chuyện phi đạo đức, vi phạm nguyên tắc của đảng viên, mỗi nghi ngờ của ông dừng lại ở ông Viễn, một cộng sự trực tuổi ông, cũng nghiêm túc như ông. Tuy nhiên, vì sẵn mối thù không đội trời chung với ông Viễn vì đã có lần tố cáo ông Quán trước tập thể vì một HD sai trái, nên lần này ông Quán quyết tâm trả thù bằng cách lôi bằng được chuyện ông đan diều với Luyện dẫn đến cô mang bầu. Nghĩ là phải làm. Ông cho triệu tập cuộc họp chi bộ để phê bình hành vi mang bầu của Luyện.

Sau khi nghe Luyện đọc xong bản kiểm điểm cá nhân trước chi bộ về chuyện chưa chồng mà chửa, cảm thấy không hài lòng với nội dung bản kiểm điểm. Ông Quán liền đưa ra tham thoại hỏi để hỏi cô. Ông biết rằng cô là người biết rõ nhất ai là cha của đứa bé. Ông cần biết thông tin này nhằm mục đích (1) trách phạt cô về việc vi phạm đạo đức, và cũng để cảnh cáo những cô gái khác có thể mắc sai lầm tương tự; (2) để phê bình ông Viễn trước tập thể vì hành vi sai trái của ông với Luyện. (3) Để rửa hận giữa ông và ông Viễn. Chính vì thế ông rất mong muốn nhận được thông tin này từ Luyện, càng nhanh càng tốt.

Tham thoại mà ông Quán đưa ra gồm 5 HĐ: Lời miêu tả của nhà văn + HĐ chế bai + HĐ nhận xét + HĐ yêu cầu + HĐ hỏi tìm thông tin + HĐ nhắc nhở.

Lời miêu tả của nhà văn "Cô vừa gặp tờ giấy làm đôi, ngồi xuống, ông Quán lập tức bầy to sừng sốt bằng cái rơm mình trên một bàn..." cho độc giả thấy thái độ của ông Quán lúc đó rất bức xúc và tức giận vì Luyến không khai ra ai là cha của đứa bé như ông mong muốn. Sau khi thể hiện hành vi tức giận, ông liền đưa ra HĐ thứ nhất là HĐ chế bai "Ai hưởng dân có Luyến làm kiểm điểm mà sợ sài như thế?". Qua ngữ cảnh được dẫn ở trên, độc giả có thể nhận ra rằng HĐ này trên bề mặt từ ngữ là hỏi nhưng thực sự ông không quan tâm đến người hướng dẫn cô làm bản kiểm điểm. Cái mà ông muốn thể hiện ở đây chính là hàm ý chế bai kiểm điểm của Luyến không trung thực, chưa nói rõ vấn đề, và cũng thể hiện sự ép buộc cô khai ra sự thật. Điều này được ông giải thích làm rõ ở HĐ nhận xét thứ hai "Cô nói lan man, nhưng mâu chốt vẫn để lại không làm rõ.". HĐ thứ hai này được ông đưa ra để cung cấp thêm thông tin cho HĐ thứ nhất. HĐ thứ ba là HĐ yêu cầu Luyến tập trung vào việc cung cấp thông tin mà ông đang quan tâm "Chúng tôi chỉ muốn biết...". Ba HĐ vừa rồi được ông Quán sử dụng để làm đường dẫn cho HĐ thứ tư là HĐCH, HĐ hỏi tìm thông tin của tham thoại được nhận diện qua nghĩa tường minh "...có chia với ai...". HĐ này được nhận diện qua đại từ nghi vấn "với ai" đứng cuối câu. Nó kết hợp với vị từ trung tâm "chia" để tạo nên trọng điểm hỏi "chia với ai?". Nó chứa thông tin mà ông quán đang rất muốn biết. Sau khi đã đưa ra thông tin cần thiết cho Luyến, ông sử dụng HĐ cuối cùng là HĐ nhắc nhở, lưu ý cô chỉ nên cung cấp thông tin mà ông và mọi người đang quan tâm, đang sốt ruột chờ đợi "...ngắn gọn thể thôi".

Sau khi nhận được hiệu lực từ HĐ tại lời của tham thoại hỏi, Luyến liền đưa ra tham thoại đáp gồm 3 HĐ: HĐ né tránh + lời miêu tả của nhà văn + HĐ hỏi tìm thông tin + HĐ than trách. HĐ thứ nhất mà Luyến đưa ra là HĐCH của tham thoại "Với ai mà chia được".

HĐ này được đưa ra để né tránh TĐH. Ở đây Luyến đã sử dụng phương pháp lập luận dựa trên luận điểm khẳng định tuyệt đối hay phủ định tuyệt đối. Luận điểm này cho rằng khi chúng ta tác động tới đại từ phiếm định là chúng ta tác động tới một cái bất kỳ, và như vậy là tác động tới tất cả (Nguyễn Đức Dân, 2016, tr.77). Có thể, Luyến đã dùng cụm phủ từ bác bỏ "mà chia được" để tác động đến đại từ phiếm định "với ai" để né tránh TĐH của tham thoại trao. HĐ này còn có cách lập luận khác là: "Với ai mà không được", hay "Với ai cũng được". Nó mang hàm ý là tôi không nói cho các ông biết người đó là ai. Đây là HĐ đáp không tương thích với HĐH. HĐ hỏi yêu cầu cung cấp tên một người cụ thể là cha của đứa bé trong khi HĐ đáp lại đưa ra một đại từ phiếm định "bất kì ai". HĐ này cũng cho thấy thái độ của Luyến lúc đó cương quyết không cho biết tên cha của đứa bé.

Tiếp theo là lời miêu tả của nhà văn về thái độ và hành vi của Luyến "Luyến lại đứng dậy, không nhìn ai, giọng rung lên như muốn khóc.". Sau khi thể hiện cương quyết, cứng cỏi trước mặt mọi người xong, cô cũng thể hiện sự yếu đuối, sợ sệt của người con gái trở lại đại trước vị lãnh đạo nghiêm khắc, trước một tập thể đang chú ý quan sát cô từ nãy giờ qua HĐ đứng lên không dám nhìn ai, giọng thì rung lên như muốn khóc. Sau đó, cô đưa ra HĐ thứ ba là HĐ tìm thông tin "Các người cần biết mà làm gì" để chất vấn cũng như như để giải thích cho việc không đáp thẳng vào TĐH ở trên. HĐ này cũng cho thấy sự bất lực hoàn toàn của cô khi bị mọi người dồn nén đến đường cùng. Điều này được chứng minh qua HĐ cuối cùng mà cô đưa ra, HĐ than trách "Các người làm khổ tôi quá rồi".

Kết quả của cặp thoại này cho thấy cả SP1 và SP2 đều cảm thấy không hài lòng về những gì đã nói ra. SP1 cố gắng đạt được mục đích tìm tên cha của đứa bé còn SP2 thì cố gắng né tránh. Cuối cùng cái mà cả hai đều đạt được là sự bức tức và đau khổ trong lòng. Thêm vào đó, kết quả giao tiếp của cặp thoại này cũng cho thấy cuộc thoại sẽ rẽ sang hướng khác nếu tiếp tục hoặc chấm dứt ở đây. Ngoài ra, vị thế giữa SP1 và SP2 cũng có sự phân biệt rõ rệt. Bên này là cấp trên - bên kia là cấp dưới; bên này thì yêu cầu - bên kia thì từ chối; bên này cố gắng tìm kiếm - bên kia cố tình che giấu. Chúng tạo thành một cặp đối lập, đấu tranh nhau qua cặp thoại, qua ngôn từ, thái độ, và kết quả.

c. HĐ đáp gián tiếp vào TĐH

Ở nhóm này, các HĐ đáp được SP2 sử dụng để đáp gián tiếp vào TĐH của tham thoại trao do SP1 đưa ra. Do đó, để nhận ra hàm ý của SP2 thể hiện qua HĐ đáp thì SP1 phải thực hiện thao tác suy ý, kết

hợp với ngữ cảnh để nhận ra thông tin mà SP2 đưa ra. Ngữ liệu thống kê cho thấy SP2 đã cố tình vi phạm một số quy tắc hội thoại để thực hiện HĐ đáp gián tiếp (như ở b).

Để cung cấp thông tin cho SP1, SP2 đã sử dụng các HĐ đáp là những HĐCH như: *HĐ đề nghị*, *HĐ hỏi đúng-sai*, *HĐ khẳng định*, và *HĐ nhận xét*. Để từ chối cung cấp thông tin thì SP2 sử dụng *HĐ phủ định*. Trong khi đó, các HĐPT đi kèm là những HĐ: *bỏ mặc*, *phủ định*, *nhận xét*. Chúng được dùng nhằm mục đích: *rủ bỏ trách nhiệm*, *làm đường dẫn để HĐCH xuất hiện*, *hay để cung cấp thêm thông tin cho HĐCH*. Ví dụ 3:

Bác Tường: *Không phải con*. Bác Tường dẫn giọng nhắc lại, rồi lớn tiếng hỏi bác Trâm đang ở dưới bếp. *Thế thì đứa nào ngồi trên ngọn cây sấu há mẹ thằng Lợi?*

Vợ bác Tường: *Còn ai vào đây nữa* (Hồ Anh Thái, 1987, tr.108).

Khi nghe bác gái nói đã nhìn thấy Lợi trèo lên cây sấu để gỡ điều, nhận ra việc này nguy hiểm, cần phải hỏi rõ để tìm cách giải cứu con về việc này, nên bác Tường đưa ra HĐ tìm thông tin để yêu cầu Lợi cho biết người nào đã trèo lên ngọn sấu để gỡ điều. Khi nhận được HĐ bác bỏ của Lợi "*Không phải con*". Bác Tường đã tỏ ra giận dữ và thất vọng vì đứa con trai duy nhất của mình nói dối. Để xác minh lại thông tin đó, bác đã hỏi bác gái trước mặt Lợi để xác minh. Bác tin rằng câu trả lời của bác gái sẽ làm cho Lợi phải nhận lỗi để bác răn đe. Bác biết rằng bác gái sẵn sàng cung cấp thông tin mà bác đang cần. Bác rất cần thông tin đó để dạy con nên bác mong muốn nhận được thông tin đó. Thông tin mà bác cần biết là "*Đứa nào đã trèo lên ngọn cây sấu để gỡ điều*". Thông tin này chính là nội dung mệnh đề của tham thoại hỏi và được nhận diện qua nghĩa tường minh.

Tham thoại hỏi mà bác Tường đưa ra gồm hai HĐ: HĐ lặp lại + lời tác giả + HĐ hỏi tìm thông tin. HĐ thứ nhất là HĐ lặp lại lời của Lợi "*Không phải con*" được sử dụng nhằm mục đích thể hiện quyền uy của người cha, để đe dọa Lợi vì đã nói dối bác, đồng thời cũng nhằm đưa ra lời cảnh báo rằng bố biết con nói dối rồi. Lời tác giả miêu tả thái độ và hành vi của bác Tường theo sau cũng góp phần củng cố cho lập luận vừa rồi "*Bác Tường dẫn giọng nhắc lại, rồi lớn tiếng hỏi bác Trâm đang ở dưới bếp*". Hành vi "*dẫn giọng và lớn tiếng hỏi*" của bác cho thấy bác đang ở trạng thái giận dữ, bực mình. Việc bác cố tình hỏi bác gái lớn tiếng để cho cả Lợi và bác gái đều nghe thấy nhằm mục đích ba mặt một lời chứng minh Lợi đã nói dối qua bằng chứng là lời đáp của bác gái, và cũng để hướng sự chú ý của Lợi và bác gái vào HĐ hỏi ngay sau đó. HĐ thứ hai là HĐCH, là HĐ hỏi tìm thông tin "*Thế thì đứa nào ngồi trên ngọn cây sấu há mẹ thằng Lợi?*" HĐ này được cả SP1 và SP2 nhận diện là HĐ hỏi tìm thông tin vì nó có chứa đại từ nghi vấn "*đứa nào*", phụ từ *há*, và *dấu chấm hỏi* cuối tham thoại. Dấu hiệu nhận diện này kết hợp với vị từ trung tâm "*ngồi*" để tạo nên hạt nhân của HĐ hỏi tìm thông tin "*đứa nào ngồi*". Ngoài ra theo từ điển tiếng Việt Hoàng Phê chủ biên (2016, tr.1183), khi sử dụng cụm từ "*Thế thì...*" ở đầu tham thoại, thì người nói nhằm mục đích chuẩn bị đưa ra một kết luận ngay sau đó. Kết luận này ở đây sẽ xuất hiện ở tham thoại đáp. HĐ này mang lực tại ngôn yêu cầu bác gái cung cấp thông tin cho TĐH được nhận diện qua nghĩa tường minh "*Đứa nào ngồi trên ngọn cây sấu?*".

Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin từ lực tại ngôn, bác gái đã tỏ thái độ đồng ý cung cấp thông tin. Chính vì thế, bác gái đã đưa ra một tham thoại đáp tình lược với HĐ đáp là HĐ trần thuật khẳng định "*Còn ai nữa*", để đáp gián tiếp vào TĐH. HĐ đáp này có thể được hiểu đầy đủ là "*Chính lợi chứ không còn ai ở đây nữa*" vì SP2 đã vi phạm phương châm về chất. SP2 đã sử dụng một HĐ rỗng thông tin để cung cấp thông tin. Điều này giúp bác Tường cũng như Lợi nhận ra ngay người trèo lên cây sấu chính là Lợi vì chỉ có ba người tham gia vào cuộc thoại ở đây.

Bằng cách sử dụng HĐ đáp gián tiếp, bác gái đã trực tiếp xác nhận với bác trai chính Lợi đã leo lên cây sấu để gỡ điều. Tuy nhiên, việc sử dụng HĐ đáp gián tiếp này không phải là ngẫu nhiên mà có chủ đích từ bác gái: (1) Đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin do bác trai đưa ra. Việc này là cho bác trai hài lòng. (2) Tránh làm mất mặt Lợi bằng cách gián tiếp để trống thông tin chính Lợi trèo lên cây sấu. (3) Làm giảm đi phần nào ác cảm giữa bố với Lợi, giữa Lợi với bà vì đã làm cho Lợi đỡ mất mặt, đỡ thấy xấu hổ vì đã nói dối bố.

3. Kết luận

Qua việc khảo sát 274 câu hỏi trực tiếp tìm thông tin và những HĐ tương ứng, chúng tôi nhận ra 6 điểm nổi bật như sau: (1) Trong các cặp thoại được khảo sát thì cặp thoại có HĐ đáp trực tiếp vào TĐH chiếm tỉ lệ cao nhất với 77%. Điều này cho thấy rằng, đích giao tiếp là mục tiêu quan trọng nhất cần đạt được trong hội thoại. (2) Trong mỗi cặp trao-đáp, mỗi tham thoại trao-đáp có ít nhất một HĐ hỏi đóng vai trò HĐCH và một hay nhiều HĐPT đi kèm. (3) Khi SP2 đưa ra HĐ đáp, thì tùy vào mục đích ý định của mình mà SP2 có thể sử dụng HĐ đáp trực tiếp, gián tiếp hay đáp lệch TĐH. (4) Đề trả lời cho HĐ hỏi trực tiếp đúng-sai, các nhân vật hội thoại có thể dùng HĐ đáp trực tiếp, gián tiếp hay lệch so với TĐH của tham thoại. (5) Với việc sử dụng HĐ đáp gián tiếp, SP2 có thể dung hòa được mối tương quan giữa SP1 và SP2, giúp cho cuộc thoại tiến triển tốt đẹp, tránh gây ra xung đột hay dứt quãng. (6) Chúng tôi tìm được một vài lý do giải thích tại sao SP2 lại chọn cách đáp lệch TĐH là vì: Vì lời đáp là một điều tế nhị khó nói nên lời, vì quá ngạc nhiên, bị bất bí, vì quá vội vàng, vì chưa nắm rõ thông tin, vì muốn đi thẳng vào vấn đề khác, vì bị kích động, vì khinh miệt SP1... hay là vì muốn kết thúc câu chuyện, để che giấu thân phận của mình. Chúng tôi hi vọng rằng với những đặc điểm vừa nêu trên sẽ giúp cho độc giả hiểu rõ hơn về HĐ hỏi trực tiếp tìm thông tin và những HĐ đáp tương ứng, cũng như đóng góp một phần lí thuyết lãnh vực nghiên cứu hành động ngôn từ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban (2010). *Ngữ pháp tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
2. Nguyễn Đức Dân (2016). *Logic ngữ nghĩa từ hư tiếng Việt*. TP Hồ Chí Minh: Trẻ.
3. Đỗ Thị Kim Liên (1999). *Ngữ pháp tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.

Tiếng Anh

4. Austin, J. (1962). *How to do Things with Words*. Oxford: Clarendon Press.
5. Matthews, D. (2014). *Pragmatic Development in First Language Acquisition*. John Benjamins.
6. Morris, C. W. (1938). *Foundations of the Theory of Signs*. Illinois: The University of Chicago.
7. Searle, J. (1969). *Speech Acts: An Essay in The Philosophy of language*. London: Cambridge.
8. Yule, G. (1998). *Pragmatics*. London: Oxford.

NGŨ LIỆU

Hồ Anh Thái:

- (1987). *Người và xe chạy dưới ánh trăng*, Nxb Trẻ, tái bản 2015.
- (1988). *Người đàn bà trên đảo*, Nxb Trẻ, tái bản 2015.
- (1990). *Trong sương hồng hiện ra*, Nxb Trẻ, tái bản 2015.
- (2002). *Cõi người rung chuông tận thế*, Nxb Trẻ, tái bản 2013.
- (2006). *Mảnh lễ một đêm*, Nxb Trẻ, tái bản 2013.
- (2007). *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*, Nxb Trẻ, tái bản 2015
- (2012). *Đầu về gió xóa*, Nxb Hội Nhà văn, tái bản 2015.

The direct interrogative speech acts in Wh-questions and corresponding responses in pairs of turn-takings (through the speakers' speech in conversations in Hồ Anh Thái's books)

Abstract: The direct interrogative speech acts in WH-questions and the corresponding responses in pairs of turn-takings are the two linguistic aspects that attract people to study. The results show that each turn-taking has at least one main speech act and one or more subordinate speech acts. The speaker's purposes are expressed through the main speech act. To respond, the SP2 can use one of the three forms: the direct, indirect, or irrelevant feedback speech act.

Key words: The direct WH-interrogative speech acts; the direct feedback on the purpose; the indirect feedback on the purpose; the contrary feedback on the purpose; the main speech act; and the subordinate speech act.